

BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CN QUẢNG NINH  
Số: 705/QĐ- ĐHCNQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Quảng Ninh, ngày 19 tháng 11 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v miễn giảm học phí học kì I năm học 2024 – 2025 cho sinh viên**  
**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 06/11/2023 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ hồ sơ chế độ chính sách và đơn đề nghị xin miễn, giảm học phí của sinh viên;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác sinh viên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Miễn, giảm học phí học kì I năm học 2024 - 2025 cho 12 sinh viên (Có danh sách chi tiết kèm theo).

**Số tiền: 60.451.250 đồng**

(Bằng chữ: Sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi một nghìn hai trăm lăm mươi đồng).

**Điều 2.** Trưởng các đơn vị trong toàn trường và các sinh viên có tên ở Điều 1 căn cứ Quyết định thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Lưu VT, CTSV.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**TS. Hoàng Hùng Thắng**



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ**  
**THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 97/2023/NĐ- CP, NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ**

Học Kì I năm học 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 705/QĐ - ĐHCNQ, ngày 19 tháng 11 năm 2024)

ĐVT: Đồng

TT	Mã sinh viên	Sinh viên	Lớp	Đối tượng	Học phí			Số tín chỉ	Mức học phí đồng/tín chỉ	Học phí phải nộp	Số tiền miễn giảm	Ghi chú	
					Miễn 100% (1)	Giảm 70% (0,7)	Giảm 50% (0,5)						
STT	TT	1	2	3	4	5			6	7	8=6x7	9=5x8	10
	I	<b>Tổng số: Đối tượng miễn học phí</b>									111.098.500	60.451.250	
		<b>Sinh viên khuyết tật</b>									9.804.000	9.804.000	
1	1	CQ17DH0300	Phạm Tiến Phong	Cơ khí ô tô K17	SV khuyết tật	1			21,5	456.000	9.804.000	9.804.000	
	II	<b>Tổng số: Đối tượng giảm học phí (I+2)</b>									101.294.500	50.647.250	
		<b>Tổng số đối tượng giảm 50% học phí</b>									101.294.500	50.647.250	
2	1	CQ17DH0746	Nguyễn Minh Tuấn	Cơ khí Ô tô K17	Con BNN			0,5	21,5	456.000	9.804.000	4.902.000	
3	2	CQ17DH0723	Dương Huyền Chi	Kế toán K17	Con BNN			0,5	21,5	371.000	7.976.500	3.988.250	
4	3	CQ17DH0261	Đình Ngọc Sơn	Tự động hoá K17A	Con BNN			0,5	21,5	456.000	9.804.000	4.902.000	
5	4	CQ17DH0628	Phạm Đức Hoàn	Cơ khí ô tô K17	Con TNLD			0,5	21,5	456.000	9.804.000	4.902.000	
6	5	CQ15DH0245	Lê Hồng Yên	TC Ngân hàng K15	Con BNN			0,5	18	371.000	6.678.000	3.339.000	
7	6	CQ17DH0655	Nguyễn Xuân Bình	Tự động hoá K17A	Con TNLD			0,5	21,5	456.000	9.804.000	4.902.000	
8	7	CQ17DH0605	Đông Văn Thuận	Tự động hoá K17A	Con BNN			0,5	21,5	456.000	9.804.000	4.902.000	
9	8	CQ17DH0775	Nguyễn Đức Duy	Tự động hoá K17B	Con BNN			0,5	21,5	456.000	9.804.000	4.902.000	
10	9	CQ17DH0768	Nguyễn Văn Tùng	Tự động hoá K17B	Con BNN			0,5	21,5	456.000	9.804.000	4.902.000	
11	10	CQ17DH0820	Lê Đức Thắng	Tự động hoá K17B	Con TNLD			0,5	21,5	456.000	9.804.000	4.902.000	
12	11	CQ16DH0609	Vũ Thành Đạt	Tự động hoá K16	Con BNN			0,5	18	456.000	8.208.000	4.104.000	
<b>Tổng cộng (I+ II)</b>												60.451.250	

Bảng chữ: Sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi một nghìn hai trăm lăm mươi đồng

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 11 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH**  
 TS. Hoàng Hùng Thắng

**PHÒNG TC- KT**  
 Cát Thị Thu Hường

**PHÒNG ĐÀO TẠO**  
 TS. Nguyễn Văn Thản

**P. CÔNG TÁC SINH VIÊN**  
 Nguyễn Mạnh Hùng